

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/DS-PT

Ngày: 26-4-2018

V/v Tranh chấp liên quan đến tài
sản bị cưỡng chế để thi hành án.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn.

Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20/03/2018, 05/4/2018, 26/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2017, về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2018/QĐ-PT, ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Phạm Hữu C, sinh năm 1940;

1.2. Bà Lưu Thị Ngọc H, sinh năm 1940;

Cùng địa chỉ: khóm 5, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H: Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1977; địa chỉ: khóm 5, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 01/08/2016) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Phạm Hữu C và Lưu Thị Ngọc H là ông Mai T – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Tuyên Thụy và Cộng Sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Tuyết T1 (tên thường gọi Mỹ Linh) sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 5, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

3.1 Chị Võ Thị Thùy T2, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

3.3 Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân C, xã Phú C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Anh Đào Thanh T4, sinh năm 1978 (chồng chị T1) (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm 5, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Chị Phạm Tuyết T5, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3.6 Đào Thị Trà M1, sinh năm 2009 (con chị T).

3.7 Đào Gia B, sinh năm 2013 (con chị T).

Người đại diện theo pháp luật của Trà M1 và Gia B là chị Phạm Tuyết T1, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: khóm 5, thị trấn Tràm C, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H - là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Nguyễn Phước T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H trình bày:

Vào ngày 20/7/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông tiến hành kê biên tài sản để bảo đảm thi hành các bản án của chị Phạm Tuyết T1, tài sản kê biên bao gồm: 01 căn nhà, khung bê tông cốt thép, mái lợp tol, một trệt một lầu, nền lát gạch ceramic xây dựng trên diện tích đất 110,4m², thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp cho chị T1 ngày 21/5/2008, tại khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông.

Tuy nhiên, phần đất này là của vợ chồng ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H tạo dựng được từ nguồn tiền bồi thường đất bị Nhà nước quy hoạch thu hồi năm 2008, nhưng vì tuổi đã cao nên để cho con là chị T1 đứng tên quyền sử dụng đất để thuận tiện khi có việc cần thiết. Trên phần đất này ông C, bà H đã

xây dựng căn nhà như đã nêu trên ông C, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T1 và anh T4 trả lại cho ông bà 01 căn nhà nêu trên hiện đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp đã kê biên. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn chị Phạm Tuyết T1 trình bày:

Phần diện tích đất 110,4m², thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 21/5/2008 và 01 căn nhà gắn liền với đất có diện tích sử dụng 191,16 m², khung bê tông cốt thép, mái lợp tol, một trệt một lầu, nền lát gạch ceramic, đất và nhà tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là của ba mẹ chị T1 (ông C, bà H). Chị T1 chỉ đứng tên quyền sử dụng giùm cho ba mẹ để thuận tiện khi có việc cần, vì ông bà đã lớn tuổi nên đi lại khó khăn. Tiền để mua đất và làm nhà là của ông C và bà H, khi làm nhà thì do ông bà đứng ra làm. Nay ông C, bà H khởi kiện yêu cầu chị T1 trả lại tài sản nêu trên thì chị T1 đồng ý theo yêu cầu ông C, bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T3 trình bày:

Tài sản đang tranh chấp trong vụ án là thuộc quyền sở hữu và sử dụng của chị T1, bởi vì khi chị T1 cất nhà, chị T1 có nhờ chị T3 chở chị T1 mua vật liệu xây dựng để cất nhà nên chị T3 khẳng định căn nhà trên là do chị T1 xây dựng chứ không phải của ông C, bà H vì thời điểm đó ông C không có ở nhà, bà H thì có ở địa phương. Vì vậy, không thể nào lấy tiền đền bù để cất nhà vì tiền đền bù mới nhận năm 2015. Đối với diện tích đất cũng là quyền sở hữu của chị T1 vì hiện nay chị T1 đang đứng tên giấy CNQSD đất. Nay chị T3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thùy T2 trình bày:

Thông nhất ý kiến với chị T3, vì tài sản đang tranh chấp trong vụ án là thuộc quyền sở hữu và sử dụng của chị T1. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Trà M trình bày:

Thông nhất ý kiến với chị T3 và chị T2, vì tài sản đang tranh chấp trong vụ án là thuộc quyền sở hữu và sử dụng của chị T1. Bởi vì khi chị T1 xây nhà thì chị H là chị ruột của chị Trà M cũng có biết. Bởi vì khi đó còn làm ăn chung với chị T1. Vì vậy nay chị Trà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Tuyết T1 có văn bản trình bày:

Vào khoảng năm 2015 chị Tuyết T2 có đầu tư cho em gái là chị T1 mở tiệm tạp hóa tại nhà mua bán, chị T2 là người trực tiếp đứng bán, chị Tuyết T2 chỉ bỏ vốn, lợi nhuận chị em chia đôi nên chị Tuyết T2 có đứng giấy phép kinh doanh tại căn nhà đang tranh chấp. Nay ông C, bà H đang tranh chấp với T2, chị Tuyết T2

không có ý kiến hay yêu cầu gì vì đây là tài sản của cha mẹ, chị Tuyết T2 chỉ đứng tên kinh doanh tại địa chỉ của căn nhà trên mà thôi.

Bản án sơ thẩm số 42/2017/DS-ST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H đối với chị Phạm Tuyết T2 và anh Đào Thanh T4 về việc đòi lại 01 căn nhà một trệt, một lầu có tổng diện tích sử dụng 191,16 m², khung bê tông cốt thép, mái lợp tol, nền lát gạch ceramic gắn liền với diện tích đất 110,4m², thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 21/5/2008 do chị Phạm Tuyết T1 đứng tên (nay cấp đổi thành thửa số 33 tờ bản đồ số 65, diện tích 110,4m² vào sổ cấp GCN: CH02658 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 18/11/2014), đất và nhà tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí đo đạc ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ông C, bà H đã nộp xong.

Về án phí: Ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 09003 ngày 19/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/11/2017, ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C và bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo yêu cầu công nhận căn nhà gắn liền khuôn viên đất của chị T1, anh T4 đứng tên, đang bị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên cưỡng chế thi hành án là thuộc quyền sở hữu của ông C, bà H, vì do ông, bà mua đất và xây dựng nhà, cơ sở chứng minh là vật liệu xây dựng do bà H mua, yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông, bà.

Bị đơn là chị T1 có ý kiến: Công nhận nhà đất của chị và anh T4 đang bị kê biên thi hành án là thuộc sở hữu của ông C, bà H và đồng ý giao trả.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan gồm: Chị Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Thị T3 cùng xác định là căn nhà gắn liền đất đang bị kê biên thi hành án về tài sản cho các chị là thuộc sở hữu của vợ chồng chị T1, anh T4, yêu cầu Tòa phúc thẩm xử y như án sơ thẩm.

Ý kiến của luật sư đề cập về nguồn tiền, người mua vật liệu xây dựng là của bà H mua, xác định bà Hạnh, ông C nhờ T1 đứng tên dùm việc mua đất, nên đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà H, ông C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Tam Nông.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhà gắn liền đất của vợ chồng chị T1, anh Tâm đang bị kê biên thi hành án có đủ căn cứ xác định thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ 07, cấp đổi thành thửa số 33, tờ bản đồ số 65, diện tích 110,4m² tại thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, đất có nguồn gốc thuộc dự án Cụm dân cư 3B, lô J, nền số 32, do chị T1 mua trúng đấu giá, chị T1 lập thủ tục kê khai, đăng ký và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 21/5/2008, cấp đổi ngày 18/11/2014. Trên đất có căn nhà ở xây dựng vào năm 2010, loại nhà xây bê tông, cốt thép, 1 trệt, 1 lầu do chị T1 đứng tên giấy phép xây dựng và chị lập hộ gia đình của chị cùng chồng, con sinh sống tại đây, đã chứng tỏ nhà và quyền sử dụng đất này là thuộc sở hữu của vợ chồng chị T1.

[2]. Tuy chị T1 thừa nhận nhà đất này là của ông C, bà H, nhưng vì chị T1 là con đẻ của ông bà và chị T1 là người đang bị buộc phải thi hành án về tài sản, đang có ý thức dây dưa, tránh né, nên không có cơ sở tin cậy. Ông C, bà H cho rằng đất này do ông bà mua, nhờ T1 đứng tên dùm do tuổi cao, lý lẽ này không có cơ sở, bởi ông C, bà H đang đứng tên 2 quyền sử dụng đất và trên đất cũng có 2 căn nhà xây tại lô J, nền số 30 và 31 liền kề nhà chị T1, ông C, bà H lại nói ngược lại là ông bà đứng tên dùm cho con tên P; Ông C, bà H chứng minh nhà đất thuộc sở hữu của ông bà bằng lý lẽ rằng nguồn tiền mua đất, xây nhà là của ông bà, nhờ T1 đứng tên dùm giấy đất, đứng tên dùm giấy phép xây dựng nhà, và vật liệu xây dựng bà H mua có xây dựng trong căn nhà của chị T1. Những tình tiết này chỉ là lời khai nại, thực tế chỉ có 1 vài loại vật liệu bà H mua có kết cấu trong nhà chị T1, nhưng bởi chị T1 là con, bà H là mẹ cũng xây nhà cùng lúc, liền kề mua dùm, mua chung qua lại là chuyện bình thường và thực tế bà H, ông C không có lập hộ chung chị T1 tại nhà ở của chị T1 đang bị kê biên mà đã có hộ khẩu riêng khác. Cho nên ông C, bà H yêu cầu buộc chị T1, anh T3 giao trả lại nhà đất này để công nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu cho ông bà là không có căn cứ. Ông C, bà H kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh làm thay đổi nội dung, tình tiết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[3]. Ý kiến của luật sư Mai T đề cập các tình tiết chứng minh ông C, bà H nhờ T1 đứng tên dùm, ông C, bà H là người xây dựng nhà bằng nguồn tiền để

dành, mượn của các con, luật sư chỉ đưa ra bằng lý lẽ, không có tài liệu, chứng cứ xác thực nên không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Từ những nội dung, tình tiết nhận định trên có đủ cơ sở kết luận: Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông C, bà H là đúng pháp luật; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, nên phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông C, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng do ông C và bà H thuộc người cao tuổi nên được miễn án phí.

[7]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 164, Điều 169, Điều 255 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2017/DS-ST ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H đối với chị Phạm Tuyết T1 và anh Đào Thanh T4 về việc đòi lại 01 căn nhà một trệt, một lầu có tổng diện tích sử dụng 191,16 m², khung bê tông cốt thép, mái lợp tole, nền lát gạch ceramic gắn liền với diện tích đất 110,4m², thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 07 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/5/2008 do chị Phạm Tuyết T1 đứng tên (nay cấp đổi thành thửa số 33 tờ bản đồ số 65, diện tích 110,4m² vào sổ cấp GCN: CH02658 do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 18/11/2014), đất và nhà tọa lạc tại khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí đo đạc ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ông C, bà H đã nộp xong.

5. Về án phí: Ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Ông Phạm Hữu C và bà Lưu Thị Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.312.000đ (Ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 09003 ngày 19/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tam Nông;
- CCTHADS huyện Tam Nông;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương